

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	362503	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	3625	16	TCXH1	6.56		86		840 000	840 000	
2	362545	Trần Minh	Hằng	3625	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
3	362546	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	3625	16		8.00		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
4	362549	Nguyễn Minh	Huyền	3625	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
5	362551	Lê Hồng	Ngọc	3625	16		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	362553	Phạm Ngọc	Thúy	3625	16		8.19		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
7	362554	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	3625	16		7.81		88	1 750 000		1 750 000	Khá
8	362561	Nguyễn Ngọc Hồng	Dương	3625	16		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	362565	Ngô Thị Mai	Quý	3625	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
10	362572	Đàm Thúy	Quỳnh	3625	16		7.81		87	1 750 000		1 750 000	Khá
11	362573	Trần Quốc	Đạt	3625	16		7.81		98	1 750 000		1 750 000	Khá
12	362581	Bùi Bảo	Anh	3625	16		7.88		98	1 750 000		1 750 000	Khá
13	362601	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	3626	16	TCXH2	7.38		89		600 000	600 000	
14	362614	Hà Mạnh	Tú	3626	16		8.00		70	1 750 000		1 750 000	Khá
15	362660	Hà Kiều	Anh	3626	16		7.94		87	1 750 000		1 750 000	Khá
16	362664	Trần Phương	Quyên	3626	16		7.81		78	1 750 000		1 750 000	Khá
17	362671	Nguyễn Thúy	Hạnh	3626	16		7.81		78	1 750 000		1 750 000	Khá
18	362681	Đỗ Thu	Hằng	3626	16		8.00		92	2 000 000		2 000 000	Giỏi
19	372103	Lâm Thị	Dung	3721	17		7.35		95	1 750 000		1 750 000	Khá
20	372110	Nguyễn Việt	Trình	3721	17		7.47		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	372112	Nguyễn Thị Hạnh	Ngân	3721	17		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
22	372122	Hoàng Lam	Trang	3721	17		7.41		87	1 750 000		1 750 000	Khá
23	372139	Đào Như Ngọc	Linh	3721	17		7.35		88	1 750 000		1 750 000	Khá
24	372155	Nguyễn Huyền	Mi	3721	17		7.41		87	1 750 000		1 750 000	Khá
25	372208	Phùng Thị Thu	Hằng	3722	17		7.59		84	1 750 000		1 750 000	Khá
26	372212	Nguyễn Diệu	Quỳnh	3722	17		7.59		96	1 750 000		1 750 000	Khá
27	372232	Trịnh Thị	Mai	3722	17		7.47		85	1 750 000		1 750 000	Khá
28	372233	Nguyễn Mỹ	Hạnh	3722	17		7.41		84	1 750 000		1 750 000	Khá
29	372240	Nguyễn Ngọc	Anh	3722	17		7.71		84	1 750 000		1 750 000	Khá
30	372246	Nguyễn Khánh	Ly	3722	17		7.41		84	1 750 000		1 750 000	Khá
31	382105	Nguyễn Tiến	Đạt	3821	16		7.25		98	1 750 000		1 750 000	Khá
32	382118	Nguyễn Thị	Châm	3821	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
33	382131	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	3821	16		7.56		85	1 750 000		1 750 000	Khá
34	382133	Tự Thị	Trang	3821	16		7.69		85	1 750 000		1 750 000	Khá
35	382148	Phạm Sơn	Tùng	3821	16		7.88		88	1 750 000		1 750 000	Khá
36	382149	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	3821	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
37	382155	Bùi Thị Cẩm	Vân	3821	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
38	382156	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	3821	16		8.00		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
39	382201	Trịnh Thị	Quyên	3822	16		7.69		89	1 750 000		1 750 000	Khá
40	382214	Hoàng Thị	Thúy	3822	16		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	382232	Nguyễn Hoàng Tuấn Linh	3822	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
42	382238	Trần Hương Giang	3822	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
43	382251	Hoàng Ngọc ánh	3822	16		7.31		89	1 750 000		1 750 000	Khá
44	382252	Vũ Thị Thái Thanh	3822	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
		Tổng							75 250 000	1 440 000	76 690 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG

TS Phan Chí Hiếu